

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **319/2019/DS-PT**
Ngày: 11/11/2019
V/v: tranh chấp quyền sử
dụng đất

**NHÂN DANH
NU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương
Cùng các Thẩm phán: Ông Lê Minh Đạt
Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Cẩm Trang – Thư ký Tòa
án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Ngân – Kiểm sát
viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử
phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 297/2019/TLPT-DS ngày 10/10/2019 về
tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 27/2019/DS-ST ngày 28/8/2019 của Tòa án
nhân dân huyện Châu Thành bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 238/2019/QĐ-PT ngày
25/10/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Ông Trịnh Sỹ H, sinh năm 1963.

Nơi cư trú: Số nhà 14F ấp P, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Luật sư Võ Tấn T- Văn phòng Luật sư Võ Tấn T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh
Bến Tre.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Nguyễn Thị Kim Th, sinh năm 1949.

2.2. Ông Huỳnh Minh Th1, sinh năm 1946.

Nơi cư trú: Số 96B ấp P, xã H, huyện CT, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Anh Huỳnh Minh C, sinh năm 1976; Nơi cư trú: Số 147/62 đường T, phường T, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Kim Th: Luật sư Trần Nhật Long H – Văn phòng Luật sư HN, Đoàn Luật sư tỉnh Bến Tre.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Chị Trần Thị Tuyết Đ, sinh năm 1967.

3.2. Chị Trịnh Thị Th X, sinh năm 1994.

3.3. Chị Trịnh Thị Yến Th, sinh năm 1997.

Nơi cư trú: Số 14F ấp P, xã H, huyện CT, tỉnh Bến Tre.

Chị Trần Thị Tuyết Đ, chị Trịnh Thị Th X và chị Trịnh Thị Yến Th cùng ủy quyền cho anh Trịnh Sỹ H tham gia tố tụng.

3.4. Anh Trịnh Trần Sỹ Đ, sinh năm 2003 (Xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Số nhà 14F ấp Phú Hữu, xã Hữu Định, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

3.5. Bà Phạm Thị L, sinh năm 1949 (xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp PH, xã HĐ, huyện CT, tỉnh Bến Tre.

Bà Phạm Thị L xin vắng mặt.

3.6. Anh Võ Văn U (Võ Văn Ngọc), sinh năm 1966 (Xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Số 106B1 ấp 1, xã Sơn Đ, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị Kim Th

(Ông H, ông Thành, ông C, ông H có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm;

Nguyên đơn ông Trịnh Sỹ H trình bày: Nguồn gốc phần đất của anh Thộc thửa số 403 tờ bản đồ số 05 là do năm 1997 anh mua của cụ Huỳnh Thị Sáu (mẹ ruột ông Huỳnh Minh Th1) và mua của bà Nguyễn Thị Kim Th, ông Huỳnh Minh Th1. Năm 2001 khi Nhà nU tiến hành đo đạc tổng thể để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân trên địa bàn xã Hữu Định, anh đã kê khai, đăng ký các phần đất mình mua và được Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2004 với tổng diện tích là 2.314m² Thộc thửa số 403 tờ bản đồ số 05. Khi tiến hành đo đạc có sự chứng kiến, chỉ ranh của anh và chồng bà Th là ông Th1. Phần đất của bà Th Thộc thửa số 415 tờ bản đồ số 05 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2006. Từ khi anh và bà Th được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến nay không ai có ý kiến hay khiếu nại gì. Khi anh mua đất của bà Th và ông Th1 vào năm 1997 các bên có làm giấy tờ nhưng do thời gian quá lâu nên đã bị thất lạc. Khi anh mua đất thì phía bà Th chưa làm hàng rào. Sau khi anh về xây dựng nhà ở thì phía bà Th

mới bắt đầu làm hàng rào. Do anh đi dạy học ở Thạnh Phú ít khi về nhà, bà Th ở nhà nhiều lần làm hàng rào lấn qua đất của anh mà anh không biết. Ranh giới theo hồ sơ địa chính đo đạc vào năm 2001 có sự chứng kiến, chỉ ranh của các bên giữa phần đất của anh Thộc thửa số 403 với phần đất của bà Th Thộc thửa số 415 là đường thẳng. Tuy nhiên, do bà Th làm hàng rào lấn qua phần đất của anh nên hiện tại ranh giới là đường gấp khúc tại đoạn ký hiệu A1 chứ không còn là đường thẳng nữa. Do trU đây anh yêu cầu phần đất đo đạc có diện tích lớn nên khi Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ thì trên phần đất đang tranh chấp có hàng rào lưới B40 và cây trồng trên đất. Tuy nhiên, hiện tại phần đất tranh chấp chỉ còn diện tích 81,9m² nên không còn liên quan đến cây trồng mà thực tế chỉ còn hàng rào lưới B40. Do đó, anh yêu cầu bà Th và ông Th1 di dời hàng rào lưới B40 trả lại cho anh phần đất qua đo đạc thực tế có diện tích 81,9m² Thộc thửa đất ký hiệu A1 theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 05/7/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Th trình bày: Năm 1997 mẹ chồng bà là cụ Huỳnh Thị Sáu có bán cho anh Trịnh Quốc Việt phần đất vườn. Phần đất anh Việt mua của cụ Sáu không có lối đi nên anh Việt phải đi nhờ qua đất của bà. Sau đó, anh Việt có ý mua lại của bà phần đất để làm lối đi vào phần đất đã mua của cụ Sáu. Sau khi thỏa Thận, bà đồng ý đổi với anh Việt một bờ đất (không có đo đạc) để lấy chiếc xe Honda hiệu Citi cho con bà đi học. Bà dự định khi nào anh Việt làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì sẽ tiến hành đo đạc và làm giấy tờ theo biểu mẫu của Nhà nU cho anh Việt. Năm 2001 có đoàn đo đạc đến đo đạc để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân trên địa bàn. Nhân dịp này vợ chồng bà đồng ý tách quyền sử dụng ra cho anh Việt. Khi đo đạc có sự chứng kiến của chồng bà và anh ruột của anh Việt là anh Trịnh Sỹ H đứng ra chỉ ranh. Riêng hàng rào mà hiện tại anh H đang tranh chấp bà đã làm từ năm 1999 nhưng khi đo đạc vào năm 2001 anh Việt và anh H cũng không có ý kiến gì. Đến năm 2004 anh H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Lý do vì sao anh H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà không biết vì giữa bà với anh Việt chưa làm thủ tục sang nhượng gì cả. Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì đến năm 2006 anh H khởi kiện cho rằng phía bên bà lấn ranh. Bà khẳng định phần đất của bà Thộc thửa số 415 và phần đất của anh H Thộc thửa số 403 đo đạc tổng thể cùng lúc vào năm 2001. Khi đo đạc có sự chứng kiến của chồng bà là ông Th1 và anh H, các bên đều đã thống nhất ranh giới để đoàn đo đạc tiến hành đo đạc. Phần đất của anh H Thộc thửa số 403 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2004 còn phần đất của bà Thộc thửa số 415 đến năm 2006 mới được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Lý do vì sao phần đất của bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau anh H thì bà không rõ. Bà thừa nhận phần đất Thộc thửa số 403 là của anh H. Bà cũng thừa nhận ranh giới

theo hồ sơ địa chính đo đạc vào năm 2001 giữa phần đất của bà Thộc thửa số 415 với phần đất của anh H Thộc thửa số 403 là đường thẳng chứ không có đoạn gấp khúc Thộc thửa đất ký hiệu A1 theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 05/7/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành. Tuy nhiên, bà cho rằng ranh giới thực tế giữa các bên là đúng theo hàng rào hiện hữu vì hàng rào này bà đã rào vào năm 1999 (trước khi đo đạc). Sở dĩ ranh giới giữa 02 phần đất hiện tại có đoạn gấp khúc Thộc thửa đất ký hiệu A1 là do trước đây anh Việt xin bà cho mở rộng phía trước để cất nhà lá cho cháu anh Việt đi học. Việc có sự sai lệch giữa hồ sơ địa chính với hàng rào hiện hữu là do cán bộ đo đạc làm sai. Tuy nhiên, hàng rào mình xây đúng với ranh giới thực tế giữa các bên chứ không có lấn sang phía anh H nên không đồng ý theo yêu cầu của anh H. Bà không có bán đất cho anh H và cũng không có lấn đất của anh H nên không đồng ý theo yêu cầu của anh H. Tuy nhiên, nếu Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh H thì bà sẽ tự mình di dời hàng rào lưới B40 để trả lại đất cho anh H mà không yêu cầu anh H bồi thường hay hỗ trợ gì. Trường hợp trên phần đất tranh chấp có cây trồng thì bà sẽ tự mình dọn bỏ để trả đất cho anh H.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Kim Th và ông Huỳnh Minh Th1 là anh Huỳnh Minh C trình bày: giữa bà Nguyễn Thị Kim Th và ông Huỳnh Minh Th1 với anh Trịnh Sỹ H không có giao dịch mua bán đất. Nếu anh H cho rằng có việc mua bán đất thì đề nghị anh H cung cấp giấy tờ thể hiện việc mua bán. Trước đây bà Th có đổi với anh Trịnh Quốc Việt phần đất phía sau mà hiện tại anh H đang sử dụng để lấy chiếc xe mô tô hiệu Citi. Phần đất phía trước mà hiện tại anh H đang sử dụng là do trước đây anh Việt không có lối đi vào nên xin bà Th cho lối đi vào. Sở dĩ ranh giới giữa 02 phần đất hiện tại có đoạn gấp khúc Thộc thửa đất ký hiệu A1 là do trước đây anh Việt xin bà Th cho mở rộng phía trước để cất nhà lá cho cháu anh Việt đi học. Hàng rào hiện hữu bà Th đã làm trước khi đo đạc nhưng khi đo đạc thì anh Việt và anh H cũng không có ý kiến gì. Ranh giới phần đất giữa các bên theo hồ sơ địa chính đo đạc năm 2001 là đường thẳng chứ không có đoạn gấp khúc Thộc thửa đất ký hiệu A1. Tuy nhiên, thực tế ranh giới có đoạn gấp khúc Thộc thửa đất ký hiệu A1. Việc có sự sai lệch này là do cán bộ đo đạc làm sai. Do cha mẹ anh lớn tuổi, hàng rào vẫn hiện hữu mà không ai có ý kiến gì nên cứ nghĩ là việc đo đạc như vậy là đúng và từ khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến nay cũng không hề có ý kiến.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Trịnh Trần Sỹ Đ trình bày: Anh là con của Trịnh Sỹ H. Gia đình anh đang tranh chấp quyền sử dụng đất đối với bà Nguyễn Thị Kim Th và ông Huỳnh Minh Th1. Anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị L trình bày:

Bà có phần đất giáp ranh với đất của anh Trịnh Sỹ H và anh Võ Văn U (Ngọc). Sau khi tiến hành đo đạc, bà đã nhận được họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 05/7/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành do Tòa án cung cấp. Theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất này thì giữa bà với anh H và anh U (Ngọc) có sự tranh chấp. Nay bà khẳng định mình không có tranh chấp hay yêu cầu gì trong vụ án. Nếu sau này giữa bà với anh H và anh U (Ngọc) không xác định được ranh giới và có tranh chấp thì sẽ khởi kiện bằng vụ kiện khác. Bà xin vắng mặt trong tất cả các phiên tòa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Võ Văn U (Võ Văn Ngọc) trình bày:

Anh có phần đất giáp ranh với đất của anh Trịnh Sỹ H và bà Phạm Thị L. Sau khi tiến hành đo đạc, anh đã nhận được họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 05/7/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành do Tòa án cung cấp. Theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất này thì giữa anh với anh H và bà L có sự tranh chấp. Nay anh khẳng định mình không có tranh chấp hay yêu cầu gì trong vụ án. Nếu sau này giữa anh với anh H và bà L không xác định được ranh giới và có tranh chấp thì sẽ khởi kiện bằng vụ kiện khác. Anh xin vắng mặt trong tất cả các phiên tòa.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2019/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

- Áp dụng các điều 5, 166, 202 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013.
- Áp dụng Điều 688 và Điều 175 Bộ luật dân sự năm 2015.
- Áp dụng khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 228 và Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.
- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức Th, miễn, giảm, Th, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Ghi nhận sự thỏa Thận giữa ông Trịnh Sỹ H với bà Nguyễn Thị Kim Th và ông Huỳnh Minh Th1 đối với ranh giới phía sau (giáp thửa 370 và 384) giữa phần đất Thộc thửa số 403 với phần đất Thộc thửa số 415 là đường thẳng nối từ điểm Q đến điểm N theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 05/7/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành.

[2] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Sỹ H.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim Th và ông Huỳnh Minh Th1 cùng liên đới nghĩa vụ di dời hàng rào lưới B40 trả lại cho anh Trịnh Sỹ H phần đất diện tích 81,9m² Thộc thửa đất ký hiệu A1 theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 05/7/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành (Có họa đồ kèm theo bản án).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí Th thập chứng cứ, án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo của các đương sự, quyền yêu cầu thi hành án.

Ngày 11/9/2019 bà Nguyễn Thị Kim Th kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên Toà phúc thẩm phía nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thay đổi nội dung kháng cáo, bà Th yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, bác yêu cầu của nguyên đơn.

Kiểm sát viên phát biểu về tố tụng: xét thấy Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện và tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng. Về nội dung: đề nghị HĐXX bác kháng cáo của bà Th, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng: Ông H cho rằng các bên mua bán vào năm 1997, nhưng trong giấy tay lại ghi năm 2000. Ông H cũng không cung cấp được bản chính để trưng cầu giám định, ông chỉ cung cấp bản phô tô để làm hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng quy định. Tại phiên tòa hôm nay, ông H cũng thừa nhận khi bà Th làm hàng rào và gia đình ông cũng có nhiều người ở trên đất nhưng không ai có ý kiến gì. Căn cứ vào hồ sơ địa chính thì ranh đất giữa các bên là đường cong chứ không phải đường thẳng. Diện tích đất yêu cầu khởi kiện ông H thay đổi nhiều lần, như vậy ông H không biết thực tế mình đang sử dụng là bao nhiêu. Đề nghị HĐXX xem xét, chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng: Ông Việt khẳng định ông H là người trực tiếp thỏa Thuận mua bán đất với bà Th. UBND huyện Châu Thành có văn bản xác nhận việc bà Sáu và bà Th sang nhượng đất cho ông H. Theo họa đồ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H là đường thẳng, tuy nhiên do bà Th xây hàng rào lấn chiếm đất của ông H nên hiện trạng ranh giới sử dụng là đường cong. Năm 2006 bà Th được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không có ý kiến gì. Việc ông H thay đổi diện tích đất tranh chấp là do kết quả đo đạc thay đổi. Đề nghị HĐXX bác kháng cáo của bị đơn.

Qua nghiên cứu toàn bộ hồ sơ vụ án, nghe các bên đương sự tranh tụng, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Diện tích đất tranh chấp có tổng diện tích 81,9m² Thộc một phần của thửa 403, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp 1, xã Hữu Định, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Theo nguyên đơn ông Trịnh Sĩ H cho rằng phần đất tranh chấp là của ông nhận chuyển nhượng của cụ bà Huỳnh Thị Sáu (mẹ ruột ông Huỳnh Minh Th1) và của bà Nguyễn Thị Kim Th, ông Huỳnh Minh Th1 vào năm 1997, phần đất của

ông nhận chuyển nhượng giáp ranh với đất của ông Th1 và bà Th. Cho nên, bà Th và ông Th1 đã lấn chiếm qua đất của ông với diện tích nêu trên, ông yêu cầu ông Huỳnh Minh Th1 và bà Nguyễn Thị Kim Th trả lại phần đất có diện tích 81,9m² được ký hiệu A1 theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 05/7/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành.

[2] Bị đơn ông Th1, bà Th không đồng ý với yêu cầu của ông H mà cho rằng nguồn gốc phần đất tranh chấp là của bà Huỳnh Thị Sáu và bà Nguyễn Thị Kim Th (bà Sáu là mẹ chồng bà Th). Vào năm 1997, bà Sáu có chuyển nhượng cho ông Trịnh Quốc Việt phần đất vườn. Do phần đất ông Việt chuyển nhượng của bà Sáu không có lối đi nên ông Việt có thỏa Thuận với bà Th để mua một bờ đất làm lối đi. Sau khi chuyển nhượng cho ông Việt phần đất này thì đến năm 1999 bà Th xây dựng hàng rào. Khi bà Th tiến hành xây dựng hàng rào thì không có ai ngăn cản. Bị đơn khẳng định không có việc thỏa Thuận mua bán với ông H. Lời trình bày của bị đơn phù hợp với lời thừa nhận của ông Việt tại Biên bản hòa giải ngày 10/12/2006 của Ban hòa giải ấp 1, xã Hữu Định, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Như vậy, giữa ông Việt với bà Sáu, bà Th và ông Th1 có xác định ranh giới hay không, và xác định như thế nào, vấn đề này cần phải làm rõ thửa 403 và thửa 415 có phải là một đường ranh thẳng hay không?

[3] Mặt khác, bản trích lục họa đồ ngày 25/7/2007 thấy rằng: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn cho rằng khi đo đạc vào năm 2007 thì các bên đương sự có chứng kiến và ký hiệp thương ranh. Tuy nhiên, đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng phía bị đơn không biết và không ký hiệp thương ranh. Lời khai của các đương sự có sự mâu thuẫn chưa được cấp sơ thẩm làm rõ vì sao có họa đồ này và khi đo đạc thì có sự chứng kiến của các chủ sử dụng đất liền kề không?

[4] Xét thấy, những vấn đề cơ bản của vụ án như phân tích trên chưa được Tòa cấp sơ thẩm xác minh làm rõ. Do đó, Tòa cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả lại cho ông Trịnh Sỹ H phần đất diện tích 81,9m² Thộc thửa đất ký hiệu A1 theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 05/7/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành (Có họa đồ kèm theo bản án) là chưa đủ căn cứ.

Những thiếu sót trên cấp phúc thẩm không thể khắc phục. Để đảm bảo quyền lợi cho các bên, Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

[6] Bà Th không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3, Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 27/2019/DS-ST ngày 28/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, giao toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử lại theo thủ tục chung.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Th không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Kim Th số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai Th số 0007070 ngày 11/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng GĐKT;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Hương

